

A member of  International

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-28
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-28

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Bến xe Hà Nội được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 05 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Quang	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Tuyền	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Toàn	Ủy viên
Ông Lưu Thành Nam	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Toàn	Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thúy Hạnh	Trưởng ban
Ông Trần Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Tú	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Anh Toàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội được lập ngày 12 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		43.216.094.023	34.489.200.315
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	18.238.094.903	20.494.587.993
111	1. Tiền		18.238.094.903	20.494.587.993
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	22.600.000.000	12.600.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.600.000.000	12.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.948.558.059	1.105.857.043
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	819.979.680	521.210.128
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	663.033.957	178.361.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	465.544.422	406.285.915
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		429.441.061	288.755.279
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	429.441.061	288.755.279
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		79.724.307.717	83.314.938.618
220	II. Tài sản cố định		78.116.173.142	80.796.478.043
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	77.773.021.620	80.347.060.684
222	- Nguyên giá		160.407.184.822	151.862.761.863
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(82.634.163.202)	(71.515.701.179)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	343.151.522	449.417.359
228	- Nguyên giá		1.468.738.182	1.446.920.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.125.586.660)	(997.502.641)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	1.608.134.575	1.458.460.575
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.608.134.575	1.458.460.575
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	1.060.000.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	-	1.060.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		122.940.401.740	117.804.138.933

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		15.147.295.367	12.906.233.778
310	I. Nợ ngắn hạn		15.147.295.367	12.906.233.778
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	4.245.364.367	1.987.290.929
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	947.285.646	1.529.192.919
314	3. Phải trả người lao động		7.900.497.535	7.495.991.635
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		6.181.818	-
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	163.602.267	208.499.545
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	444.806.316	312.431.991
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.439.557.418	1.372.826.759
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		107.793.106.373	104.897.905.155
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	107.793.106.373	104.897.905.155
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		95.000.000.000	95.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		95.000.000.000	95.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.629.374	15.629.374
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.900.000.000	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.877.476.999	9.882.275.781
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		609.423.955	322.625.384
421b	LNST chưa phân phối năm nay		10.268.053.044	9.559.650.397
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		122.940.401.740	117.804.138.933

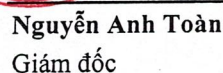


Vũ Thị Loan
 Người lập



Thạch Thị Kim Nga
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Anh Toàn
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	133.893.272.851	127.888.392.559
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		133.893.272.851	127.888.392.559
11	4. Giá vốn hàng bán	18	109.591.271.228	105.080.076.302
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.302.001.623	22.808.316.257
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	943.267.355	751.377.312
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	8.728.599.733	7.934.832.996
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.516.669.245	15.624.860.573
31	11. Thu nhập khác	21	30.357.280	17.567.658
32	12. Chi phí khác	22	252.542.099	276.412.903
40	13. Lợi nhuận khác		(222.184.819)	(258.845.245)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.294.484.426	15.366.015.328
	a. Chia lợi nhuận trước thuế cho đối tác của Doanh nghiệp		3.056.000.000	3.056.000.000
	b. Lợi nhuận trước thuế của Doanh nghiệp		13.238.484.426	12.310.015.328
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	2.970.431.382	2.750.364.931
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>10.268.053.044</u>	<u>9.559.650.397</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	1.081	1.006

Vũ Thị Loan

Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Thạch Thị Kim Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Toàn

Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		16.294.484.426	15.366.015.328
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.338.377.876	10.216.509.510
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(870.131.084)	(590.376.235)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		26.762.731.218	24.992.148.603
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(745.308.322)	196.464.054
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	244.363.000
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(646.651.943)	(3.107.125.932)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		919.314.218	3.364.284.656
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.506.547.758)	(2.938.212.182)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.165.545.122)	(2.282.738.650)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19.617.992.291	20.469.183.549
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.988.364.236)	(9.694.610.904)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.000.000.000)	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		807.857.355	753.867.312
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(17.180.506.881)	(8.940.743.592)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.693.978.500)	(6.598.103.680)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.693.978.500)	(6.598.103.680)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.256.493.090)	4.930.336.277
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20.494.587.993	15.564.251.716
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		18.238.094.903	20.494.587.993

Loan

Thạch Thị Kim Nga



Vũ Thị Loan
Người lập
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Toàn
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Bến xe Hà Nội được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 05 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 95.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 95.000.000.000 đồng; tương đương 9.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ bến đỗ xe.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hàng khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ động;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Bến xe phía Bắc - Bến xe Gia Lâm
- Bến xe phía Tây - Bến xe Mỹ Đình
- Bến xe phía Nam - Bến xe Giáp Bát

Địa chỉ

- Hà Nội
- Hà Nội
- Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.9 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty vận tải Hà Nội về việc hợp tác cho thuê bãi đỗ xe Mỹ Đình (khu mở rộng). Hợp đồng quy định phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cho các bên tham gia. Cụ thể, Công ty sẽ thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế cho hợp đồng. Hàng năm, Công ty sẽ phải trả cho Tổng Công ty vận tải Hà Nội lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hợp đồng nhưng không được thấp hơn một khoản lợi nhuận cố định. Các bên tham gia sẽ tự chịu trách nhiệm kê khai và ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo quy định của Luật thuế hiện hành.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng thấp hơn khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Công ty thực hiện phân chia cho đối tác khoản lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng nhiều hơn hoặc bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của hợp đồng. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của hợp đồng.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



2.15 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	140.473.826	249.500.262
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.012.196.077	19.729.048.731
Tiền đang chuyển	1.085.425.000	516.039.000
	<u>18.238.094.903</u>	<u>20.494.587.993</u>

4 . ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	22.600.000.000	22.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	22.600.000.000	22.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000
	22.600.000.000	22.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000

Gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hoàn Kiếm với lãi suất từ 5,2% /năm - 5,8%/năm.

5 . PHẢI THU CỦA NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Xe điện Hà Nội	99.050.080	67.932.000
- Trung tâm Tân Đạt - Tổng Công ty vận tải Hà Nội	81.332.000	-
- Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu - Chi nhánh Tổng công ty Vận tải Hà Nội	149.244.000	97.920.000
- Xí nghiệp xe khách Nam Hà Nội	130.363.000	56.607.500
- Xí nghiệp xe buýt Hà Nội	136.440.000	127.797.500
- Các khoản phải thu khách hàng khác	223.550.600	170.953.128
	819.979.680	521.210.128
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	665.570.680	389.044.200
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29.		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP phần mềm quản trị Doanh nghiệp	125.808.600	-	-	-
Công ty CP đầu tư phát triển công nghệ Việt Hàn	324.485.357	-	-	-
Công ty CP tư vấn xây dựng Vinaconex	120.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	92.740.000	-	178.361.000	-
	663.033.957	-	178.361.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	359.285.556	-	223.875.556	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	4.482.004	-	1.715.491	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	16.033.425	-	715.375	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	5.468.096	-	683.698	-
Tạm ứng	10.000.000	-	155.850.000	-
Phải thu khác	70.275.341	-	23.445.795	-
	465.544.422	-	406.285.915	-

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.260.710.575	1.458.460.575
- Dự án Bến xe Khuyến Lương (1)	428.675.909	428.675.909
- Dự án bãi đỗ xe tại Phía Nam (2)	635.956.364	635.956.364
- Nhà để xe đa năng Bến xe Giáp Bát	-	197.750.000
- Nhà để xe đa năng Bến xe Mỹ Đình (3)	196.078.302	196.078.302
Mua sắm tài sản cố định	347.424.000	-
- Giải pháp quản lý tập trung - Trung tâm điều hành	347.424.000	-
	1.608.134.575	1.458.460.575

(1): Dự án xây dựng bến xe tại đường Khuyến Lương, phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Đến thời điểm 31/12/2017, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế bến xe.

(2): Dự án xây dựng bãi đỗ xe trong phân khu S5 huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Đến thời điểm 31/12/2017, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế bãi đỗ xe.

(3): Dự án xây dựng nhà để xe đa năng ở bến xe Mỹ Đình. Đến thời điểm 31/12/2017, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế nhà để xe.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	138.005.918.998	1.616.797.274	5.097.450.709	7.142.594.882	151.862.761.863
- Mua trong năm	-	-	2.151.476.609	1.421.093.845	3.572.570.454
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.190.483.418	-	-	-	4.190.483.418
- Tăng khác (*)	802.953.636	-	136.233.420	284.892.000	1.224.079.056
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(442.709.969)	(442.709.969)
Số dư cuối năm	142.999.356.052	1.616.797.274	7.385.160.738	8.405.870.758	160.407.184.822
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	62.659.276.784	1.322.820.596	3.232.854.410	4.300.749.389	71.515.701.179
- Khấu hao trong năm	9.167.508.245	73.619.792	650.008.151	1.259.157.669	11.150.293.857
- Tăng khác (*)	287.917.147	-	26.196.384	23.628.333	337.741.864
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(369.573.698)	(369.573.698)
Số dư cuối năm	72.114.702.176	1.396.440.388	3.909.058.945	5.213.961.693	82.634.163.202
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	75.346.642.214	293.976.678	1.864.596.299	2.841.845.493	80.347.060.684
Tại ngày cuối năm	70.884.653.876	220.356.886	3.476.101.793	3.191.909.065	77.773.021.620

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.044.706.808 VND.

(*): Điều chỉnh theo biên bản thanh tra thuế ngày 25/09/2017.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại 31/12/2017, tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm kế toán, phần mềm lập hoá đơn, phần mềm quản lý thông tin bán vé với tổng nguyên giá là 1.468.738.182 đồng, hao mòn lũy kế đến 31/12/2017 là 1.125.586.660 đồng, chi phí khấu hao trong kỳ là 188.084.019 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	429.441.061	288.755.279
	429.441.061	288.755.279
b) Dài hạn		
Lợi thế kinh doanh Doanh nghiệp (*)	-	1.060.000.000
	-	1.060.000.000

(*) Công ty thực hiện phân bổ lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước tối đa không quá 10 năm theo quy định tại Thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn phân bổ lợi thế thương mại của công ty cổ phần chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Hương Giang	-	-	161.254.000	161.254.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Quảng cáo Phong Cách Mới	-	-	346.654.000	346.654.000
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ Quản lý Bất động sản HOMECARE	-	-	273.900.000	273.900.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ THG	1.207.400.000	1.207.400.000	343.238.500	343.238.500
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Công nghệ Thông Minh	536.118.000	536.118.000	-	-
Công ty CP TMDL và truyền thông 360 độ	490.050.000	490.050.000	-	-
Công ty Cổ phần xây dựng Xuân Cầu	415.560.000	415.560.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.596.236.367	1.596.236.367	862.244.429	862.244.429
	4.245.364.367	4.245.364.367	1.987.290.929	1.987.290.929

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Giác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		739.724.285		9.005.530.922		9.344.390.529		-		400.864.678	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		733.526.839		3.215.509.131		3.506.547.758		-		442.488.212	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		55.941.795		454.072.434		406.081.473		-		103.932.756	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		1.455.068.390		1.455.068.390		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		6.000.000		6.000.000		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		179.405.828		179.405.828		-		-	
	-		1.529,192,919		14,315,586,705		14,897,493,978		-		947,285,646	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

0100
C
TRÁCH
HÀNG
A
16
OÀN

14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước dịch vụ cho thuê mặt bằng	162.730.448	198.167.727
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	871.819	10.331.818
	<u>163.602.267</u>	<u>208.499.545</u>

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	160.625.171	212.290.300
- Bảo hiểm xã hội	10.467.700	30.901.250
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.703.100	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	112.901.520	56.880.020
- Phải trả tiền Tổng công ty vận tải Hà Nội trả hộ	127.646.719	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.462.106	12.360.421
	<u>444.806.316</u>	<u>312.431.991</u>

1170
 CÔNG T
 HIỆM H
 KIỂM
 AS
 M - T

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	95.000.000.000	15.629.374	-	8.825.133.439	103.840.762.813
Lãi trong năm trước	-	-	-	9.559.650.397	9.559.650.397
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(8.502.508.055)	(8.502.508.055)
Số dư cuối năm trước	95.000.000.000	15.629.374	-	9.882.275.781	104.897.905.155
Số dư đầu năm nay	95.000.000.000	15.629.374	-	9.882.275.781	104.897.905.155
Lãi trong năm nay	-	-	-	10.268.053.044	10.268.053.044
Tăng khác (*)	-	-	-	609.423.955	609.423.955
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.900.000.000	(9.882.275.781)	(7.982.275.781)
Số dư cuối năm nay	95.000.000.000	15.629.374	1.900.000.000	10.877.476.999	107.793.106.373

(*): Điều chỉnh theo biên bản thanh tra thuế ngày 25/09/2017.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 19 tháng 04 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	9.882.275.781
Trích Quỹ đầu tư phát triển	19,23%	1.900.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	30,98%	3.062.071.974
Chi trả cổ tức	48,07%	4.750.000.000
Thương HDQT, BKS	1,72%	170.203.807



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	67,06%	63.704.000.000	67,06%	63.704.000.000
- Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư và Phát triển	16,35%	15.538.440.000	16,35%	15.538.440.000
- Các cổ đông khác	16,59%	15.757.560.000	16,59%	15.757.560.000
	100%	95.000.000.000	100%	95.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.750.000.000	6.650.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	4.750.000.000	6.650.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.900.000.000	-
	1.900.000.000	-

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ bến bãi	112.198.964.516	107.092.672.079
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	21.694.308.335	20.795.720.480
	133.893.272.851	127.888.392.559
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29.)	5.947.384.355	5.766.049.078

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ bến bãi đã cung cấp	92.281.865.400	89.100.076.302
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	17.309.405.828	15.980.000.000
	109.591.271.228	105.080.076.302

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	943.267.355	751.377.312
	943.267.355	751.377.312

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	104.781.887	54.164.773
Chi phí nhân công	5.459.900.935	5.572.113.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	654.240.359	499.276.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	829.301.715	955.445.868
Chi phí khác bằng tiền	1.680.374.837	853.832.701
	8.728.599.733	7.934.832.996

21 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tiền phạt thu được	11.000.000	12.000.000
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ hỏng	9.090.909	5.545.455
Thu nhập khác	10.266.371	22.203
	30.357.280	17.567.658

22 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	73.136.271	161.001.077
Các khoản bị phạt	179.405.828	115.411.826
	252.542.099	276.412.903

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.238.484.426	12.310.015.328
Các khoản điều chỉnh tăng	1.613.672.482	1.441.809.326
- Chi phí không hợp lệ	1.613.672.482	1.441.809.326
Thu nhập chịu thuế TNDN	14.852.156.908	13.751.824.654
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	2.970.431.382	2.750.364.931
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN hiện hành năm nay	244.230.113	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp xe tăng cường (2%)	847.636	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	733.526.839	921.374.090
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.506.547.758)	(2.938.212.182)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	442.488.212	733.526.839

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	10.268.053.044	9.559.650.397
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.268.053.044	9.559.650.397
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.081	1.006

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.824.338.073	935.162.879
Chi phí nhân công	51.285.238.237	49.942.568.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.338.377.876	10.216.509.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.498.047.257	21.369.684.640
Chi phí khác bằng tiền	32.373.869.518	30.550.984.269
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	118.319.870.961	113.014.909.298

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.238.094.903	-	20.494.587.993	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.285.524.102	-	927.496.043	-
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	12.600.000.000	-
	42.123.619.005	-	34.022.084.036	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	4.690.170.683	2.299.722.920
Chi phí phải trả	6.181.818	-
	4.696.352.501	2.299.722.920

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.238.094.903	-	-	18.238.094.903
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.285.524.102	-	-	1.285.524.102
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	-	22.600.000.000
	42.123.619.005	-	-	42.123.619.005
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.494.587.993	-	-	20.494.587.993
Phải thu khách hàng, phải thu khác	927.496.043	-	-	927.496.043
Các khoản cho vay	12.600.000.000	-	-	12.600.000.000
	34.022.084.036	-	-	34.022.084.036

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.690.170.683	-	-	4.690.170.683
Chi phí phải trả	6.181.818	-	-	6.181.818
	4.696.352.501	-	-	4.696.352.501
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.299.722.920	-	-	2.299.722.920
	2.299.722.920	-	-	2.299.722.920

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Toàn bộ doanh thu của Công ty là từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
		VND	VND
Doanh thu		5.947.384.355	5.766.049.078
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ	-	1.495.454
Trung tâm Tân Đạt	Cùng Tổng Công ty	705.052.726	477.677.266
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	Cùng Tổng Công ty	452.518.364	621.844.545
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Cùng Tổng Công ty	106.559.999	685.084.545
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	800.776.359	337.612.265
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	1.447.527.269	1.357.426.817
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Cùng Tổng Công ty	1.478.156.367	1.033.368.186
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Cùng Tổng Công ty	15.897.272	50.752.732
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Cùng Tổng Công ty	163.525.091	477.676.816
Công ty CP Xe điện Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	777.370.908	723.110.452
Phân chia lợi nhuận trước thuế, hợp đồng hợp tác kinh doanh		3.056.000.000	3.056.000.000
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ	3.056.000.000	3.056.000.000
Cổ tức		3.185.200.000	4.459.280.000
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ	3.185.200.000	4.459.280.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		665.570.680	389.044.200
Trung tâm Tân Đạt	Cùng Tổng Công ty	81.332.000	-
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	Cùng Tổng Công ty	45.558.000	12.076.800
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Cùng Tổng Công ty	10.053.000	12.928.500
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	130.363.000	56.607.500
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	136.440.000	127.797.500
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Cùng Tổng Công ty	149.244.000	97.920.000
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Cùng Tổng Công ty	-	4.743.000
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Cùng Tổng Công ty	13.530.600	9.038.900
Công ty CP Xe điện Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	99.050.080	67.932.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	305.700.000	473.300.000
Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc khác	341.900.000	430.700.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị	481.100.000	302.512.500

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Vũ Thị Loan
Người lập

Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Toàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

